

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề thi có 04 trang)

KIỂM TRA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2019-2029

Môn thi : ĐỊA LÍ- LỚP 9

Thời gian làm bài: 45 phút, không kể thời gian phát đề

Mã đề thi: 364

Câu 1: Di sản nào dưới đây của nước ta **không** phải là di sản văn hóa phi vật thể của thế giới?

- A.** Nhã nhạc cung đình Huế.
- B.** Quần thể di tích cố đô Huế.
- C.** Ca trù.
- D.** Không gian văn hóa đồng chiêng Tây Nguyên.

Câu 2: Hoạt động kinh tế chủ yếu ở khu vực đồi núi phía Tây của Bắc Trung Bộ là

- A.** nuôi trồng thủy sản, sản xuất lương thực, cây công nghiệp hàng năm.
- B.** nghề rừng, trồng cây công nghiệp lâu năm, chăn nuôi trâu bò đàm.
- C.** sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, du lịch.
- D.** trồng cây công nghiệp, cây ăn quả, đánh bắt, nuôi trồng thủy sản.

Câu 3: Ý nào sau đây **không** đúng với đặc điểm kinh tế - xã hội của vùng Đồng bằng sông Hồng ?

- A.** Sản lượng lúa cao nhất cả nước.
- B.** Cơ sở hạ tầng tương đối đồng bộ.
- C.** Năng suất lúa cao nhất cả nước.
- D.** Mật độ dân số cao nhất cả nước.

Câu 4: Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của nước ta là

- A.** khoáng sản, nông sản, hàng công nghiệp nhẹ.
- B.** máy móc thiết bị và nông sản.
- C.** ô tô, xe máy, hàng điện tử.
- D.** hóa chất, vật liệu xây dựng và hàng tiêu dùng.

Câu 5: Nhận định nào sau đây **không** đúng về sản xuất nông nghiệp ở Tây Nguyên?

- A.** Thiếu nước, biến động giá nông sản là hai khó khăn cơ bản nhất trong sản xuất nông nghiệp của vùng.
- B.** Các cây công nghiệp quan trọng nhất là cà phê, cao su, điều,...
- C.** Tây Nguyên không trồng được lúa chỉ trồng được cây công nghiệp.
- D.** Có thể mạnh về trồng cây công nghiệp lâu năm.

Câu 6: Cho bảng số liệu: Cơ cấu GDP của nước ta thời kì 1991 – 2002 (%)

Năm	1991	1993	1995	1997	1999	2001	2002
<i>Tổng</i>	100	100	100	100	100	100	100
<i>Nông – lâm - ngư</i>	40,5	29,9	27,2	25,8	25,4	23,3	23
<i>Công nghiệp – xây dựng</i>	23,8	28,9	28,8	32,1	34,5	38,1	38,5
<i>Dịch vụ</i>	35,7	41,2	44	42,1	40,1	38,6	38,5

Biểu đồ thích hợp để thể hiện cơ cấu GDP thời kì 1991 – 2002 là

- A.** biểu đồ tròn.
- B.** biểu đồ cột.
- C.** biểu đồ miền.
- D.** biểu đồ đường biểu diễn.

Câu 7: Tiều vùng Tây Bắc thuộc Trung du và miền núi Bắc Bộ có thế mạnh nổi bật về

- A.** trồng cây lương thực.
- B.** phát triển thủy điện.
- C.** khai thác khoáng sản.
- D.** đánh bắt thủy sản.

Câu 8: Ngành công nghiệp nào **không** phải là ngành công nghiệp trọng điểm của Đồng bằng sông Hồng?

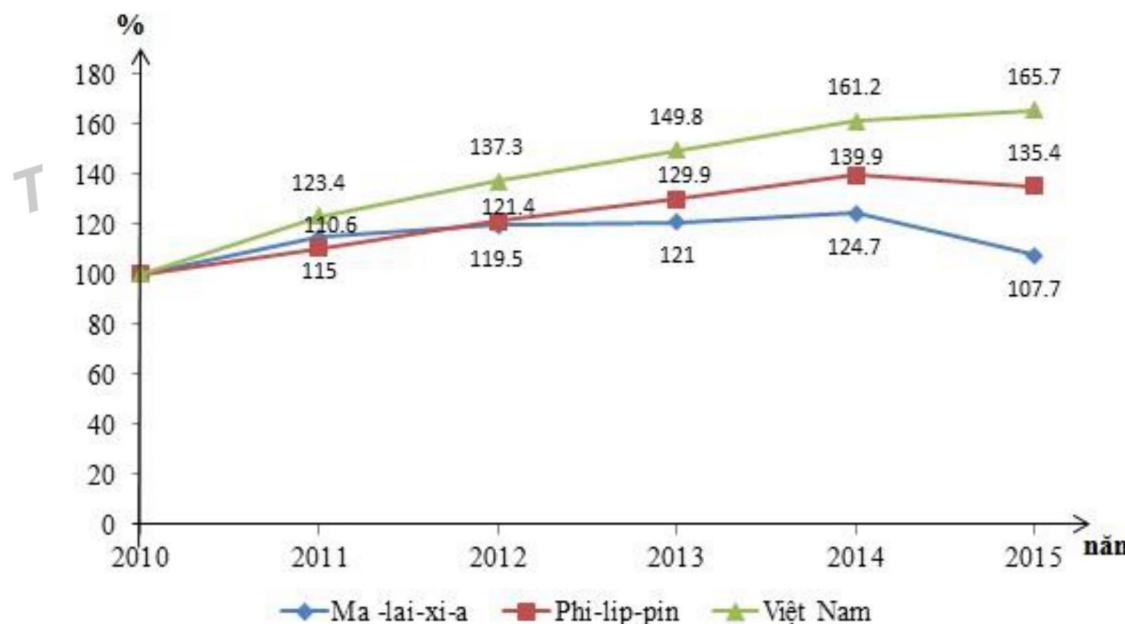
- A.** Công nghiệp khai thác dầu khí.

- B.** Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng.
- C.** Công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm.
- D.** Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.

Câu 9: Ở nước ta loại hình giao thông vận tải nào có tỉ trọng tăng nhanh nhất?

- | | |
|----------------------|-----------------------------|
| A. Đường sắt. | B. Đường hàng không. |
| C. Đường bộ. | D. Đường biển. |

Câu 10: Cho biểu đồ:



Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A.** Quy mô và cơ cấu GDP/người của một số quốc gia qua các năm.
- B.** Cơ cấu GDP/ người của một số quốc gia qua các năm.
- C.** Tốc độ tăng trưởng GDP/người của một số quốc gia qua các năm.
- D.** Quy mô GDP/người của một số quốc gia qua các năm.

Câu 11: Thế mạnh trong phát triển nông nghiệp của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A.** sản xuất lương thực và chăn nuôi lợn.
- B.** sản xuất lương thực và chăn nuôi gia súc.
- C.** trồng chè và làm muối.
- D.** khai thác, nuôi trồng thủy sản và làm muối.

Câu 12: Đánh giá nào dưới đây không phải khó khăn của cơ cấu dân số theo độ tuổi hiện nay đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta?

- A.** Đảm bảo đủ lực lượng lao động để phát triển kinh tế - xã hội.
- B.** Nhu cầu lớn về vấn đề lương thực, nhà ở, an ninh môi trường.
- C.** Giải quyết việc làm cho số người bước vào độ tuổi lao động.
- D.** Nhu cầu lớn về giáo dục chăm sóc sức khỏe cho người dân.

Câu 13: Cánh đồng muối Cá Ná ở nước ta thuộc tỉnh nào sau đây?

- A.** Bà Rịa – Vũng Tàu.
- B.** Khánh Hòa.
- C.** Ninh Thuận.
- D.** Bình Thuận.

Câu 14: Mặc dù tốc độ già tăng tự nhiên đã giảm, nhưng số người tăng thêm hằng năm nước ta vẫn rất lớn là do

- A.** ảnh hưởng của quá trình đô thị hóa.
- B.** tác động của quá trình chuyển cư.
- C.** xu hướng dân số già đi.
- D.** quy mô dân số lớn.

Câu 15: Quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa lần lượt thuộc tỉnh/ thành phố nào của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A.** Khánh Hòa và Bình Định.
C. Khánh Hòa và Đà Nẵng.

- B.** Đà Nẵng và Phú Yên.
D. Đà Nẵng và Khánh Hòa.

Câu 16: Cơ cấu dân số theo độ tuổi của nước ta đang có sự thay đổi như sau

- A.** Tỉ lệ người trên độ tuổi lao động tăng lên.
B. Tỉ lệ người trong độ tuổi lao động tăng lên.
C. Tỉ lệ người dưới tuổi lao động giảm, tỉ lệ người trong và quá trình lao động tăng.
D. Tỉ lệ trẻ em giảm xuống.

Câu 17: Nhóm cây chiếm tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt nước ta trong những năm gần đây là

- A.** cây lương thực. **B.** cây ăn quả. **C.** cây công nghiệp. **D.** cây rau đậu.

Câu 18: Tỉnh nào sau đây không thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A.** Khánh Hòa. **B.** Quảng Bình. **C.** Quảng Ngãi. **D.** Quảng Nam.

Câu 19: Nguyên nhân chủ yếu làm cho bình quân lương thực theo đầu người ở đồng bằng sông Hồng tăng chậm là do

- A.** ô nhiễm môi trường. **B.** diện tích đất canh tác giảm.
C. thiên tai thường xảy ra. **D.** dân số tăng quá nhanh.

Câu 20: Các tuyến đường bộ không xuất phát từ Thủ đô Hà Nội là

- A.** 1A, số 3, số 21, số 5, số 6, đường Hồ Chí Minh.
B. 1A, số 51, số 10, số 22, đường Hồ Chí Minh.
C. 1A, số 2, số 5, số 6, đường Hồ Chí Minh.
D. 1A, số 3, số 18, số 5, số 6, đường Hồ Chí Minh.

Câu 21: Dựa vào biểu đồ cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế ở Atlat địa lí Việt Nam trang 17 cho biết nhận định nào dưới đây không đúng?

- A.** Tỉ trọng ngành công nghiệp tăng, tỉ trọng ngành dịch vụ tăng song còn biến động.
B. Tỉ trọng ngành nông lâm ngư nghiệp giảm, tỉ trọng ngành dịch vụ tăng song còn biến động.
C. Tỉ trọng ngành nông lâm ngư nghiệp tăng, tỉ trọng ngành công nghiệp xây dựng giảm.
D. Tỉ trọng ngành nông lâm ngư nghiệp giảm, tỉ trọng ngành công nghiệp xây dựng tăng.

Câu 22: Vùng có mật độ dân số cao nhất nước ta hiện nay là

- A.** Tây Nguyên. **B.** Đồng bằng sông Cửu Long.
C. Đông Nam Bộ. **D.** Đồng bằng sông Hồng.

Câu 23: Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 24, cho biết cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị thuộc tỉnh nào sau đây?

- A.** Lào Cai. **B.** Lạng Sơn. **C.** Quảng Ninh. **D.** Hà Giang.

Câu 24: Việt Nam có diện tích 331210km²; dân số Việt Nam năm 2007 là 85,17 triệu người. Mật độ dân số năm 2007 là

- A.** 257 người/km². **B.** 275 người/km². **C.** 352 người/km². **D.** 354 người/km².

Câu 25: Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam cho biết Bắc Trung Bộ không giáp với vùng nào dưới đây?

- A.** Trung du và miền núi Bắc Bộ.
B. Đồng bằng sông Hồng.
C. Duyên hải Nam Trung Bộ.
D. Tây Nguyên.

----- HẾT -----

BẢNG ĐÁP ÁN

1.B	2.B	3.A	4.A	5.C	6.C	7.B	8.A	9.B
10.C	11.D	12.A	13.C	14.D	15.D	16.C	17.A	18.B
19.D	20.B	21.C	22.D	23.B	24.A	25.A		

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT
Thực hiện : Ban chuyên môn Tuyensinh247.com

Câu 1:

Quần thể di tích cố đô Huế là di sản văn hóa thế giới, không phải di sản văn hóa phi vật thể.

Chọn B.

Câu 2:

Khu vực đồi núi phía Tây của Bắc Trung Bộ là khu vực núi và gò đồi, không giáp biển nên hoạt động kinh tế chủ yếu là nghề rừng, trồng cây công nghiệp lâu năm và chăn nuôi trâu bò đàm.

Chọn B.

Câu 3:

Vùng có sản lượng lúa cao nhất nước ta là Đồng bằng sông Cửu Long nên đặc điểm này không đúng với Đồng bằng sông Hồng.

Chọn A.

Câu 4:

Nước ta xuất khẩu chủ yếu các mặt hàng khoáng sản, nông sản và hàng công nghiệp nhẹ. (Hình 15.6/SGK/58, địa lí 9 cơ bản).

Chọn A.

Câu 5:

Khu vực Tây Nguyên có một số đồng bằng hạ lưu sông nhỏ (sông Xrê Pôk, sông Xê Xan, sông Ba) có thể trồng lúa. -> Tây Nguyên không trồng được lúa chỉ trồng được cây công nghiệp là không đúng.

Chọn C.

Câu 6:

Đề bài yêu cầu : thể hiện cơ cấu -> B,D sai.

Bảng số liệu có 7 năm -> A sai, C đúng.

Chọn C.

Câu 7:

Tiểu vùng Tây Bắc có địa hình cao, hiểm trở nhất nước ta, lại có nhiều sông lớn nên khu vực này có tiềm năng lớn về thủy điện.

Chọn B.

Câu 8:

Vùng Đồng bằng sông Hồng có ngành nông nghiệp phát triển cung cấp nguyên liệu dồi dào cho ngành công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm, có một số loại khoáng sản như đá vôi, sét, cao lanh,... cung cấp nguyên liệu cho ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng và có nguồn lao động cũng như thị trường tiêu thụ lớn để phát triển ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng.

Tuy nhiên, vùng lại không có tài nguyên dầu khí -> ngành công nghiệp khai thác dầu khí không phải là thế mạnh của vùng.

Chọn A.

Câu 9:

Đường hàng không Việt Nam đã và đang phát triển theo hướng hiện đại hóa. Mạng nội địa và mạng quốc tế ngày càng mở rộng -> Có tỉ trọng tăng nhanh nhất.

Chọn B.

Câu 10:

Quan sát biểu đồ, đây là biểu đồ đường biểu diễn, đơn vị là % và cả 3 đường đều xuất phát từ 100.

Chọn C.

Câu 11:

Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có đường bờ biển dài với 2 ngư trường trọng điểm, nguồn lợi thủy hải sản phong phú -> phát triển ngành khai thác và nuôi trồng thủy sản. Ngoài ra khu vực này khí hậu có tính cận xích đạo, nhiều nắng, nhiệt độ cao lại có ít cửa sông nhỏ đổ ra biển -> phát triển nghề làm muối.

Chọn D.

Câu 12:

Đảm bảo đủ lực lượng lao động để phát triển kinh tế là điều kiện thuận lợi của cơ cấu dân số nước ta -> không phải khó khăn.

Chọn A.

Câu 13: Cánh đồng muối Cà Ná thuộc tỉnh Ninh Thuận.

Chọn C.

Câu 14:

Mặc dù tốc độ gia tăng tự nhiên đã giảm nhưng số người tăng thêm hàng năm ở nước ta vẫn rất lớn do quy mô dân số nước ta lớn, cơ cấu dân số trẻ, số người trong độ tuổi lao động lớn .

Chọn D.

Câu 15:

Quần đảo Hoàng Sa thuộc TP Đà Nẵng và Trường Sa thuộc tỉnh Khánh Hòa.

Chọn D.

Câu 16:

Cơ cấu dân số theo độ tuổi của nước ta đang có sự thay đổi : tỉ lệ dưới tuổi lao động giảm nhờ các chính sách dân số của nhà nước, tỉ lệ người trong tuổi lao động tăng do số người dưới tuổi lao động giai đoạn trước cao và tỉ lệ người trên tuổi lao động tăng nhờ những tiến bộ khoa học kỹ thuật.

Chọn C.

Câu 17:

Mặc dù tỉ trọng đã giảm nhưng cây lương thực vẫn chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất của ngành trồng trọt ở nước ta.

Chọn A.

Câu 18:

Tỉnh Quảng Bình thuộc vùng Bắc Trung Bộ và không thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ.

Chọn B.

Câu 19:

Bình quân lương thực trên đầu người = Sản lượng lương thực : Dân số -> Dân số tăng quá nhanh làm cho bình quân lương thực trên đầu người của Đồng bằng sông Hồng tăng chậm.

Chọn D.

Câu 20:

Tuyến đường số 3 xuất phát từ Hà Nội đi Cao Bằng. Tuyến đường số 5 xuất phát từ Hà Nội đi Hải Phòng. Tuyến đường số 2 xuất phát từ Hà Nội đi Hà Giang. Tuyến đường 18 xuất phát từ Hà Nội đi Quảng Ninh. Tuyến đường số 6 từ Hà Nội đi Lai Châu – Tây Trang – Lào. -> A, C, D sai.

Chọn B.

Câu 21:

Dựa vào biểu đồ cơ cấu GDP phân theo ngành khu vực kinh tế thấy tỉ trọng ngành nông lâm ngư nghiệp giảm, tỉ trọng ngành dịch vụ tăng và tỉ trọng ngành dịch vụ tăng song song còn biến động.

=> Tỉ trọng nông lâm ngư nghiệp tăng, tỉ trọng ngành công nghiệp giảm không đúng.

Chọn C.

Câu 22:

Vùng có mật độ dân số cao nhất ở nước ta hiện nay là Đồng bằng sông Hồng.

Chọn D.

Câu 23:

Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 24, cửa khẩu Hữu Nghị thuộc tỉnh Lạng Sơn.

Chọn B.

Câu 24:

Mật độ dân số = Dân số/ Diện tích (người/km²).

=> Mật độ dân số Việt Nam năm 2007 = 85 170 000 : 331210 = 257 người/km².

Chọn A.

Câu 25:

Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam, Bắc Trung Bộ giáp với Đồng bằng sông Hồng, Duyên hải Nam Trung Bộ và Trung du và miền núi Bắc Bộ và không giáp với Tây Nguyên.

Chọn D.

----- HẾT -----